CÔNG TY CỔ PHẦN DH PHÂN PHỐI CÔNG NGHIỆP
VPGD: Lầu 5, Số 32, Đường D5, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Tel: 028 62981357/ 0349 348 477
Email: ntgiangct1601@gmail.com *Website: www.dhid.vn*

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

CHINT ELECTRIC

Mua hàng xin liên hệ: *Trường Giang - 0349 348 477 (Zalo)*

(Bảng giá đã bao gồm VAT 10%)

ĐẠI DIỆN PHÂN PHỐI ỦY QUYỀN

CHINT ELECTRIC | Next series

CHINT | Empower the World

CHINT

Authorized Distributor Certificate

This certificate is issued to CHINT authorized distributor to deal with the specified product range in the designated territory.

Issuer	CHINT VIETNAM HOLDING CO.,LTD
Authorized Distributor	DH INDUSTRIAL DISTRIBUTION JOINT STOCK COMPANY
Scope of Specified Products Range	CHINT Low Voltage Electric Products
Territory	Hanoi and Ho Chi Minh City, Vietnam
Date of Issue	Jan. 1st,2020
Date of Expiration	Dec.31st,2020

CHINT VIETNAM HOLDING CO.,LTD

Country Manager of Vietnam

Chứng nhận DHID là nhà phân phối ủy quyền của Chint tại Việt Nam

Chứng nhận chất lượng quốc tế tại các quốc gia trên thế giới của thiết bị Chint

Chứng nhận quản lý chất lượng ISO của Chint

MCB - CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG TÉP - DÒNG NXB-63

Tiêu chuẩn: **IEC60898-1**
Dải dòng định mức: 1A-63A
Điện áp định mức: 240/415V
Icu/Ics: 6000A/6000A

MCB 1-63A-IEC/EN60898-1					
NXB-63		ĐƠN GIÁ (VNĐ)			
Idm (A)	Icu (kA)	1P	2P	3P	4P
6	6	47,400	90,900	144,200	189,500
10,16,20,25		40,800	78,600	115,300	151,700
32,40		43,800	84,400	122,400	163,000
50		47,400	90,900	144,200	189,500
63		47,400	90,900	144,200	189,500

MCB - CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG TÉP - DÒNG NXB-125

Tiêu chuẩn: **IEC947-2/898-1**
Dải dòng định mức: 80A-125A
Điện áp định mức: 240/415V
Icu/Ics: 10000A/7500A

MCB 125A					
NXB-125		ĐƠN GIÁ (VNĐ)			
Idm (A)	Icu (kA)	1P	2P	3P	4P
80,100	10	92,300	183,500	274,600	365,700
125		108,700	218,100	323,700	429,700

RCBO - CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI TÍCH HỢP CHỐNG DÒNG RÒ - DÒNG NXBLE

Tiêu chuẩn: **IEC/EN 61009-1**
Dải dòng định mức: 6A-63A
Điện áp định mức: 230/400V

RCBO NXBLE, DÒNG RÒ 30mA, 6kA						
Idm (A)	Mã hàng	ĐƠN GIÁ (VNĐ)				
		1P+N	2P	3P	3P+N	4P
6, 10, 16, 20, 25, 32	NXBLE-32	202,000	273,000	412,000	433,000	567,000
40	NXBLE-63	252,000	340,000	484,000	505,000	659,000
50, 63		294,000	340,000	484,000	525,000	693,000
RCBO NXBLE-63Y, Dòng rò 30mA, 4.5kA						
6, 10, 16, 20, 25, 32, 40		350,000	*Loại tích hợp kích thước nhỏ*			
50, 63		373,000				

MCCB - CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI - DÒNG NXM

CHINT ELECTRIC | Next series

Tiêu chuẩn: **IEC60947-2**
Dải dòng định mức: 25-1600A
Điện áp định mức: 400/415/690V
Số pha: 3P, 4P
Icu: 36kA đến 100kA (tùy chọn)

Industrial Distribution

MCCB DÒNG NXM

Iđm (A)	Icu (kA)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
			3P	4P
25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125	25	**NXM-125S**	779,000	1,155,000
160, 200, 250	36	**NXM-250S**	1,176,000	1,617,000
315, 350, 400	50	**NXM-400S**	3,728,000	4,305,000
500, 630	50	**NXM-630S**	5,187,000	6,983,000
800	50	**NXM-800S**	8,747,000	10,920,000
1000	50	**NXM-1000S**	14,049,000	19,740,000
1250, 1600	70	**NXM-1600H**	27,353,000	43,785,000

MCCB - CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI - DÒNG NM1

Tiêu chuẩn: **IEC60947/EN-2**
Dải dòng định mức: 40-1250A
Điện áp định mức: 415/690V
Số pha: 3P
Icu: 25kA đến 85kA (tùy chọn)

Industrial Distribution

MCCB LOẠI NM1 - 3PH

Iđm (A)	Icu (kA)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125	20	**NM1-125C**	658,000
160, 200, 225, 250	25	**NM1-250S**	1,097,000
1000, 1250	65	**NM1-1250H**	15,609,000
Chỉnh dòng 1000A-1250A	50	**NM8-1250S**	15,609,000

ACB - MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - DÒNG NXA

CHINT ELECTRIC | Next series

Tiêu chuẩn: **IEC60947-2**
Dải dòng định mức: 400-4000A
Điện áp định mức: 400/415/690V
Số pha: 3P, 4P
Icu: 50kA đến 100kA (tùy chọn)

Industrial Distribution

ACB DÒNG NXA

Điều khiển	Icu (kA)	Idm (A)	Mã	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
				3P	4P
Loại cố định (Fixed)	50	1000	NXA16N	50,935,500	63,690,000
		1250		51,975,000	65,010,000
		1600		54,054,000	67,540,000
	80	2000	NXA20N	65,488,500	81,840,000
		2500	NXA32N	83,160,000	103,950,000
		3200		94,594,500	118,250,000
		3600	NXA40N	103,950,000	129,910,000
		4000		119,542,500	149,380,000
Loại di động (Drawout)	50	1000	NXA16N	61,122,600	76,450,000
		1250		62,370,000	77,990,000
		1600		64,864,800	81,070,000
	80	2000	NXA20N	78,586,200	98,230,000
		2500	NXA32N	99,792,000	124,740,000
		3200		113,513,400	141,900,000
		3600	NXA40N	124,740,000	155,980,000
		4000		143,451,000	179,300,000

Hướng dẫn chọn mã Code đặt hàng ACB NXA

Model definition and description

NXA	16	N	04	- M		D	3	- AC230	M	Other
Code of Product	Code of frame size	Code of breaking capacity	Code of rated current	Code of intelligent controller		Code of installation method	Code of number of poles	Code of control circuit voltage	Code of operation mode	Code of special requirement
	16:1600A (04-16)	N: basic type	04-400A 06-630A 08-800A 10-1000A 12-1250A 16-1600A 20-2000A 25-2500A 32-3200A 36-3600A 40-4000A	M: basic type		D: draw-out type	3: 3 poles	AC 230: AC 230V	No code: motor operation	No code: no special requirement
	20:2000A (06-20)	S: standard type		A: current type		F: fixed type	4: 4 poles	AC 400: AC 400V	M: manual operation	Special requirements code, such as: UVT
	32:3200A (16-32)	H: advanced type		P: power type	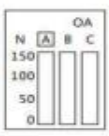			DC 110: DC 110V		
	40:4000A (32-40)			H: harmonic type				DC 220: DC 220V		
				PT: power +temperature type						
				HT: harmonic + temperature type						

CONTACTOR - KHỞI ĐỘNG TỪ - DÒNG NXC

CHINT ELECTRIC | Next series

Tiêu chuẩn: **IEC60947-2**
Dải dòng định mức: 6-630A
Điện áp làm việc: 220-690V
Điện áp cách điện: 690/1000V
Số pha: 3P
Icu: 50kA đến 100kA (tùy chọn)

Industrial Distribution

CONTACTOR 3P 6-630A IEC60947-1

380/415/440V		Kích thước		Số tiếp điểm phụ	Mã	Đơn giá
Công suất (kW)	Iđm (A)	Size	CxRxS (mm)			
2.2	6	1	75x45.5x88	1NO+ 1NC	**NXC-06**	175,000
4	9				**NXC-09**	175,000
5.5	12				**NXC-12**	191,000
7.5	16				**NXC-16**	204,000
7.5	18				**NXC-18**	216,000
11	22				**NXC-22**	237,000
11	25	2	87x56.5x93		**NXC-25**	278,000
15	32				**NXC-32**	412,000
18.5	38				**NXC-38**	494,000
18.5	40	3	129x77x118		**NXC-40**	721,000
22	50				**NXC-50**	742,000
30	65				**NXC-65**	886,000
37	75	4	132x87x127		**NXC-75**	1,030,000
37	85				**NXC-85**	1,164,000
45	100				**NXC-100**	1,236,000
55	120	5	182x127x158	2NO+ 2NC	**NXC-120**	2,760,000
75	160				**NXC-160**	2,822,000
90	185				**NXC-185**	3,008,000
110	225				**NXC-225**	3,090,000
132	265	6	236x150x207		**NXC-265**	4,285,000
160	330				**NXC-330**	6,386,000
200	400				**NXC-400**	6,489,000
250	500	7	248x165x225		**NXC-500**	9,270,000
335	630				**NXC-630**	13,905,000

CONTACTOR MODULE - DÒNG NCH8

Tiêu chuẩn: **IEC/EN 61095**
Dải dòng định mức: 20, 25, 40, 63A
Điện áp định mức: 230V/400V
Số pha: 2P, 4P

NCH8 Contactor dạng Module				
Loại 2P	**Đơn giá (VNĐ)**	**Loại 4P**	**Đơn giá (VNĐ)**	**Tiếp điểm**
NCH8-20/20 (02,11)	182,000	**NCH8-20/22**	321,000	/20:2NO /02: 2NC /11: 1NO+1NC /22: 2NO+2NC
NCH8-25/20 (02,11)	238,000	**NCH8-25/22**	352,000	
NCH8-40/20 (02,11)	490,000	**NCH8-40/22**	529,000	
NCH8-63/20 (02,11)	505,000	**NCH8-63/22**	624,000	

RELAY NHIỆT NXR VÀ PHỤ KIỆN DÙNG CHO CONTACTOR NXC

Tiêu chuẩn: **IEC60947-4/5-1**
Dải dòng định mức: 0.1A-630A
Sử dụng với Contactor loại NXC

RƠ LE NHIỆT - IEC60947-4/5-1			
Dải dòng (A)	**Lắp cùng**	**Mã hàng**	**Đơn giá (VNĐ)**
0.1-0.16, 0.16-0.25, 0.25-0.4, 0.4-0.63, 0.63-1 1-1.6, 1.25-2, 1.6-2.5, 2.5-4, 4-6, 5.5-8, 7-10 9-13, 12-18, 17-25	NXC-06/38	**NXR-25**	214,000
23-32, 30-38	NXC-25/38	**NXR-38**	294,000
23-32, 30-40, 37-50, 48-65, 55-70	NXC-40/100	**NXR-100**	410,000
63-80, 80-93			452,000
80-100			541,000
80-160, 100-200	NXC-120/225	**NXR-200**	2,394,000
125-250, 200-400	NXC-225/630	**NXR-630**	3,927,000
315-630			4,410,000

PHỤ KIỆN CONTACTOR			
Mô tả	**Thông số kỹ thuật**	**Mã hàng**	**Đơn giá (VNĐ)**
Tiếp điểm phụ lắp trước mặt	1NO+1NC	**AX-3X/11**	45,000
	2NO+2NC	**AX-3X/22**	80,000
Tiếp điểm phụ lắp bên cạnh (hông)	1NO+1NC	**AX-3C/11**	95,000
Rơ le thời gian cơ (1NO+1NC) - lắp phía trước	On-delay: 0.1~30s	**F5-T2**	378,000
	Off-delay: 0.1~30s	**F5-D2**	378,000
Khóa liên động cơ khí	Dùng cho NXC loại tới 38A		38,000
	Dùng cho NXC loại tới 100A		74,000

CB BẢO VỆ ĐỘNG CƠ LOẠI TỪ NHIỆT - DÒNG NS2

Tiêu chuẩn: **IEC/EN 60947-2; IEC 60947-4-1**
Dải dòng định mức: 20, 25, 40, 63A
Điện áp định mức: 230V/400V
Số pha: 2P, 4P

NS2-25

NS2-80B

NS2-25X

NS2-80

CB CHỈNH DÒNG

Động cơ	Dải dòng (A)	Mã hàng	Đơn giá	Mã hàng	Đơn giá
0.37kW	1 – 1.6	NS2-25	427,000	NS2-25X	448,000
0.75kW	1.6 – 2.5		427,000		448,000
1.5kW	2.5 – 4		427,000		448,000
2.2kW	4.0 – 6.3		427,000		448,000
4kW	6 – 10		427,000		448,000
5.5kW	9 – 14		427,000		448,000
7.5kW	13 – 18		427,000		448,000
11kW	17 – 23		427,000		448,000
	20 – 25		427,000		448,000
18.5kW	25 – 40	NS2-80B	885,000	NS2-80	1,328,000
30kW	40 – 63		885,000		1,328,000
40kW	56 – 80		885,000		1,328,000

PHỤ KIỆN NS2 - 1NO+1NC

Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Tiếp điểm phụ lắp trước	**NS2-AE11**	47,000
Tiếp điểm phụ lắp bên cạnh (hông)	**NS2-AU11**	85,000
Tiếp điểm báo lỗi lắp bên cạnh (hông) - (NS2-25/25X)	**NS2-FA1001**	111,000

RELAY TRUNG GIAN - RELAY KIẾNG

Relay trung gian tính năng cơ bản
Với dòng điện từ 3A-10A
Có tích hợp sẵn đèn báo trạng thái
Đủ dải điện áp AC/DC

RELAY TRUNG GIAN

Thông số kỹ thuật	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2C/O 5A coil 220VAC/24VDC (8 chân dẹt)	**JZX-22F(D)/2Z**	56,000
4C/O 3A coil 220VAC/24VDC (14 chân dẹt)	**JZX-22F(D)/4Z**	63,000
2C/O 10A coil 220VAC/24VDC (8 chân dẹt)	**JQX-13F/2Z**	56,000
2C/O 10A coil 220VAC/24VDC(8 chân tròn)	**JQX-10F/2Z**	80,000

ĐẾ RELAY TRUNG GIAN		
Lắp cùng	**Mã hàng**	**Đơn giá (VNĐ)**
JZX-22F(D)/2Z	**CZY08B-01**	22,000
JZX-22F(D)/4Z	**CZY14B**	28,000
JZX-22F(D)/4Z	**CZT08B-01**	22,000
JQX-10F/2Z	**CZF08A**	13,000

RELAY THỜI GIAN - TIMER

CHINT ELECTRIC | Next series

Sử dụng cho nhiều mục đích
Độ bền cao, sai số nhỏ
Điện áp điều khiển AC/DC

Industrial Distribution

RELAY THỜI GIAN			
Ith (A)	**Tính năng**	**Mã hàng**	**Đơn giá (VNĐ)**
5	Luân phiên (1 – 99 h/m/s) 1NO+1NC	**JSS48A-S**	513,000
	On delay (1 – 99,99h/m/s) 2NO+2NC	**JSS48A-2Z**	513,000
	On delay (nhiều dải lựa chọn) 2NO+2NC	**JSZ3A - ***	242,000
	Off delay (nhiều dải lựa chọn) 1NO+1NC	**JSZ3F**	302,000
	Sao / tam giác (nhiều dải lựa chọn)	**JSZ3Y**	333,000
3	Thời gian thực	**KG316T**	322,000

ĐẾ RELAY THỜI GIAN		
Lắp cùng	**Mã hàng**	**Đơn giá (VNĐ)**
JSS48A-S / JSS48A-2Z	**CZS08C**	36,000
JSZ3A - * / JSZ3Y / JSZ3F	**CZS08X-E**	30,000

RELAY BẢO VỆ ĐIỆN ÁP

CHINT ELECTRIC | Next series

Bảo vệ và giám sát lỗi điện áp của mạch 3 pha, bao gồm: Mất pha, đảo pha, quá áp, thấp áp…

Industrial Distribution

RELAY BẢO VỆ PHA			
Điện áp	**Tính năng**	**Mã hàng**	**Đơn giá (VNĐ)**
3P 380V	Bảo vệ mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha	**XJ3-G**	252,000
	Bảo vệ mất pha, thứ tự pha Bảo vệ quá áp , thấp áp	**XJ3-D**	454,000
	Bảo vệ mất pha, bảo vệ cân bằng pha, Bảo vệ quá áp , thấp áp	**NJYB3-8**	393,000
1P 220V	Bảo vệ mất pha, bảo vệ cân bằng pha,Bảo vệ quá áp , thấp áp	**NJYB3-11**	393,000

RELAY BẢO VỆ ĐỘNG CƠ

Dải dòng bảo vệ: 0.5-400A
Chức năng bảo vệ: Mất pha quá dòng, kẹt roto động cơ
Điện áp nguồn cấp: 220VAC, 380VAC 50Hz

RELAY BẢO VỆ ĐỘNG CƠ

Động cơ	Dải dòng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2,5kW / 10kW/ 40kW	0,5 – 5A / 2 – 20A / 20 – 80A	**JD-5…**	353,000
40kW – 100kW	80 – 200A / 160 – 400A	**JD-5…**	463,000
2,5kW – 40kW	1 – 80A (kèm còi)	**JD-5…**	393,000

ATS - BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN NZ7

Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-6-1
Điện áp định mức: 415/690V
Dòng điện định mức: 25-630A
Vận hành tự động và tay

ATS - BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN DÒNG NZ7

Idm (A)	Mã	Icu (Ka)	Đơn giá (VNĐ_	Số cực
25, 32, 40, 50, 63, 80, 100	**NZ7-125S/3**	25	7,200,000	3P
	NZ7-125H/4	50	7,900,000	4P
100, 125, 160, 180, 200, 225	**NZ7-250S/3**	25	8,500,000	3P
	NZ7-250H/4	50	9,700,000	4P
250, 315, 400	**NZ7-400S/3**	25	16,100,100	3P
	NZ7-400S/4	50	17,700,000	4P
500, 630	**NZ7-630S/3**	25	19,700,700	3P
	NZ7-630S/4	50	22,200,000	4P

BỘ KHỞI ĐỘNG TRỰC TIẾP

Tiêu chuẩn: IEC60947-4-1
Điện áp làm việc: 230-660V
Điện áp cách điện: 690V; 3P - IP55

BỘ KHỞI ĐỘNG TRỰC TIẾP NQ3

Động cơ (tại 400VAC)	Dải dòng (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
5.5kW	9-13	**NQ3-5.5P**	704,000
11kW	17-25	**NQ3-11P**	946,000

BIẾN ÁP CÁCH LY - DÒNG NDK

Tiêu chuẩn: IEC 61558

Số pha: 1P

Đầu vào: 415/380/220 VAC

Đầu ra: 220/110/48 (36)/24/12V

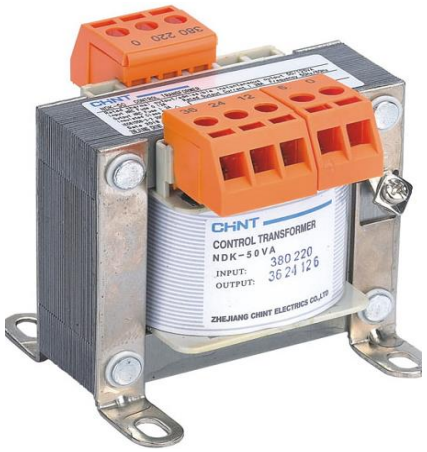

BIẾN ÁP CÁCH LY NDK

Công suất (VA)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
25	**NDK-25**	371,000
50	**NDK-50**	419,000
100	**NDK-100**	590,000
150	**NDK-150**	818,000
200	**NDK-200**	990,000
250	**NDK-250**	1,133,000
300	**NDK-300**	1,332,000
400	**NDK-400**	liên hệ
500	**NDK-500**	1,713,000
700	**NDK-700**	2,465,000
1000	**NDK-1000**	2,977,000
1500	**NDK-1500**	6,064,000
2000	**NDK-2000**	6,836,000
3000	**NDK-3000**	8,269,000
4000	**NDK-4000**	liên hệ
5000	**NDK-5000**	11,025,000

Công suất lớn hơn vui lòng liên hệ!

BỘ KHỞI ĐỘNG MỀM - DÒNG NJR2

CHINT ELECTRIC | Next series

Tiêu chuẩn: **IEC 60947-4-2**

Công suất: từ 7.5kW đến 315kW

Bộ điều khiển được tích hợp sẵn

Industrial Distribution

KHỞI ĐỘNG MỀM - DÒNG NJR2		
Công suất (kW)	**Mã hàng**	**Đơn giá (VNĐ)**
7.5	**NJR2-7.5D**	11,974,490
11	**NJR2-11D**	11,966,790
15	**NJR2-15D**	11,974,490
19	**NJR2-18.5D**	12,416,250
22	**NJR2-22D**	12,403,160
30	**NJR2-30D**	13,446,510
37	**NJR2-37D**	16,361,180
45	**NJR2-45D**	16,741,890
55	**NJR2-55D**	18,614,750
75	**NJR2-75D**	26,173,290
90	**NJR2-90D**	28,460,080
110	**NJR2-110D**	30,628,620
132	**NJR2-132D**	32,277,520
160	**NJR2-160D**	29,667,110
185	**NJR2-185D**	33,597,410
220	**NJR2-220D**	36,629,450
250	**NJR2-250D**	36,629,450
280	**NJR2-280D**	39,673,810
315	**NJR2-315D**	41,084,010

PHỤ KIỆN TỦ ĐIỆN

CHINT ELECTRIC | Next series

Đạt tiêu chuẩn: **CE, KEMA, EAC**

Cấp bảo vệ: IP45/ IP65

Industrial Distribution

PHỤ KIỆN TỦ ĐIỆN PHI 22

Diễn giải	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Đèn báo pha phi 22 - Màu:		
Đèn báo pha LED 24VDC/230VAC (Màu: Đỏ/ Vàng/ Xanh lục/ Xanh dương)	**ND16-22C/2**	37,950
Đèn màu đỏ có còi báo 24VDC/230VAC	**ND16-22FS**	100,870
Công tắc chuyển mạch phi 22 - Màu:		
2 vị trí - cần ngắn tự giữ - 1NO	**NP2-ED21**	33,990
2 vị trí - cần dài tự giữ - 1NO	**NP2-EJ21**	33,990
2 vị trí - cần ngắn tự giữ - 1NO+1NC	**NP2-ED25**	49,500
3 vị trí - cần ngắn tự giữ - 2NO	**NP2-ED33**	49,500
3 vị trí - cần dài tự giữ - 2NO	**NP2-EJ33**	49,500
2 vị trí - cần ngắn tự trả về - 1NO	**NP2-ED41**	33,990
3 vị trí - cần ngắn tự trả về - 1NO	**NP2-ED53**	49,500
2 vị trí dùng chìa khóa tự giữ - 1NO	**NP2-EG21**	64,240
3 vị trí dùng chìa khóa tự giữ - 2NO	**NP2-EG33**	77,330
Nút nhấn không đèn phi 22		
Nút nhấn không đèn màu Xanh -1NO	**NP2-EA31**	30,910
Nút nhấn không đèn màu Đỏ -1NC	**NP2-EA42**	30,910
Nút nhấn không đèn màu Vàng -1NO	**NP2-EA51**	30,910
Nút nhấn có đèn phi 22		
Màu xanh lục 24VDC/230VAC - 1NO	**NP2-EW3361**	76,560
Màu đỏ 24VDC/230VAC - 1NC	**NP2-EW3462**	76,560
Nút dừng khẩn cấp phi 22 - 1NC		
Đầu nấm phi 40 màu đỏ - xoay để mở	**NP2-ES542**	45,650
Nút nhấn kép phi 22 - 1NO+1NC		
Nút nhấn START - STOP	**NP2-EL8325**	53,350
Tiếp điểm phụ dùng cho NP2		
Tiếp điểm phụ 1NO	**NP2-BE101**	28,600
Tiếp điểm phụ 1NC	**NP2-BE102**	28,600
Cầu chì		
Cầu chì 2A, 6A, 10A, 16A, 20A, 32A	**RT28-32**	7,700
Đế cầu chì 1P 32A 500VAC		37,840

VỎ HỘP NÚT NHẤN

Số nút	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1	**NP2-B01**	53,350
2	**NP2-B02**	68,860
3	**NP2-B03**	84,260